

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ- ST

Ngày 09/8/2024

“V/v Tranh chấp xác định cha cho con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Dương Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hoàng Thị Minh Tâm

ông Đào Minh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Thu Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Châu Thị N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: chị Châu Thị N và anh Nguyễn Hoàng P đăng ký kết hôn năm 2000, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, tuy nhiên quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn và năm 2002, chị N và anh P sống ly thân. Thời gian chị N và anh P sống ly thân thì năm 2019 chị N và anh Phạm Văn T phát sinh tình cảm và có đi lại quan hệ ngoài hôn nhân với nhau nên năm 2020 chị N mang thai, anh T là cha đẻ của con do chị N sinh ra ngày 30/11/2020 theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh, có tên dự kiến là Phạm Bảo N.

Ngày 07/3/2023, chị N và anh P được Tòa án huyện V công nhận thuận tình ly hôn. Ngày 08/6/2023, chị N và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Phạm Bảo N làm Giấy khai sinh cũng như mọi quyền lợi khác anh T và chị N đã đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V để làm giấy khai sinh cho con Bảo N tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã yêu cầu anh T và chị N phải mời anh P đến để có quan điểm ý kiến về con Bảo N vì khi sinh ra con thì chị N còn trong thời kỳ hôn nhân với anh P, nhưng anh P không đến Ủy ban nhân dân xã và đã gây khó cho anh T và chị N, nay anh T đề nghị Tòa án xác định anh là bố đẻ của con Phạm Bảo N để đảm bảo quyền lợi cho con Bảo N. Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí cho các đương sự trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hoàng P trình bày: anh Nguyễn Hoàng P và chị Châu Thị N đăng ký kết hôn năm 2000, tại UBND xã Q, V, tỉnh Quảng Ninh, tuy nhiên quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn và năm 2002, chị N và anh P sống ly thân. Từ năm 2002 chị N và anh P sống ly thân cho đến năm 2023 chị N và anh P ly hôn thì anh, chị không còn quan hệ vợ chồng nên ngày 30/11/2020 chị N sinh con có tên dự kiến là Phạm Bảo N, theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh, tuy cháu Bảo N do chị N sinh ra còn trong thời kỳ còn hôn nhân với anh P nhưng không phải là con chung của chị N và anh P nên khi giải quyết ly hôn tại Tòa án huyện V anh P không khai với Tòa án về con riêng của chị N vì anh P thấy không liên quan đến anh P nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh T là cha của cháu Bảo N anh P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Châu Thị N trình bày và có quan điểm: toàn bộ nội dung như nguyên đơn anh T và bị đơn anh P trình bày là đúng sự thật. Thực tế con có tên dự kiến Phạm Bảo N do chị N sinh ra ngày 30/11/2020 theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N và anh P vẫn tồn tại nhưng khi giải quyết ly hôn tại Tòa án huyện V chị N và anh P không khai báo với Tòa án về việc chị N sinh cháu Bảo N trong thời kỳ hôn nhân với anh P, vì vậy Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2023 không đề cập đến cháu Phạm Bảo N. Ngày 07/3/2023 chị N có quyết định của Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh P nên đến ngày 08/6/2023 chị N đã đăng ký kết hôn với anh T tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, nay chị N và anh T là vợ chồng hợp pháp và đang cùng nhau nuôi dạy con chung có tên dự kiến là Phạm Bảo N, tuy nhiên đến nay vẫn chưa làm được Giấy khai sinh cho cháu Bảo N nên chị N đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T để đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu Bảo N.

Tại Kết quả phân tích ADN số 2427.1IG/DNA ngày 09/01/2024 của Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GENPUS kết luận: anh Phạm Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Phạm Bảo N, độ tin cậy >99,9999%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Hoàng P có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu “xác định cha cho con” của nguyên đơn anh Phạm Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự anh T, anh P, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử và xin phép vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, anh P và chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn anh Phạm Văn T: anh T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Phạm Văn T, sinh năm 1968, nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị Châu Thị N sinh ra ngày 30/11/2020 theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh; bị đơn anh Nguyễn Hoàng P có quan điểm con do chị Châu Thị N sinh ra ngày 30/11/2020 theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp lại ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh tuy là trong thời kỳ còn hôn nhân với anh P nhưng không phải là con chung của chị N và anh P vì trước đó từ năm 2002, anh P và chị N đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Thị N yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn T.

Xét thấy chị N kết hôn với anh P vào năm 2000, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh và ngày 07/3/2023 chị N và anh P được Tòa án huyện V công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: chị N và anh P có hai con chung tên là Nguyễn Thị Dịu H, sinh năm 1999 và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/11/2005, con H đã thành niên, sức khỏe tốt không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Đ cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 30/11/2020, chị N sinh con có tên dự kiến là Phạm Bảo N, theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, chị N có thai trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ, chồng) với anh P. Anh P có ý kiến tuy ngày 30/11/2020, chị N sinh con có tên dự kiến là Phạm Bảo N trong thời kỳ hôn nhân với anh P nhưng từ năm 2002 chị N và anh P sống ly thân cho đến năm 2023 chị N và anh P ly hôn thì anh, chị không còn quan hệ vợ chồng nên con có tên dự kiến là Phạm Bảo N do chị N sinh ra không phải là con chung của chị N và anh P, nay anh T yêu cầu Tòa án xác định anh T là cha của cháu Bảo N, anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị N thống nhất anh T là cha đẻ của con do chị N sinh ra ngày 30/11/2020 theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Quan điểm của anh T và chị N phù hợp với kết quả phân tích AND số 2427.1IG/DNA ngày

09/01/2024 của Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GENPUS kết luận: anh Phạm Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Phạm Bảo N, độ tin cậy >99,9999%. Ngày 08/6/2023, chị N và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, như vậy chị N và anh T đã đăng ký kết hôn hợp pháp. Vì vậy căn cứ Điều 88, Điều 89, Điều 91; khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn T, xác định anh Phạm Văn T, sinh năm 1968, nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị Châu Thị N sinh ra ngày 30/11/2020 có tên dự kiến Phạm Bảo N, theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Về án phí: các đương sự được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ -HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và theo điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho nguyên đơn anh Phạm Văn T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004099 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

[4] Về chi phí giám định: nguyên đơn nhận chịu toàn bộ chi phí giám định và nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí giám định cho Công ty TNHH đầu tư và công nghệ GENPUS trước khi thụ lý vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật dân sự; Điều 88, Điều 89, Điều 91; khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn T. Xác định anh Phạm Văn T sinh năm 1968, nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị Châu Thị N sinh ra có tên dự định Phạm Bảo N, sinh ngày 30/11/2020 theo Giấy chứng sinh số 01, quyển số 6, cấp ngày 09/5/2022 của Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: anh Phạm Văn T, anh Nguyễn Hoàng P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh Phạm Văn T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004099 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thị Nga